

CÔNG KHAI BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI SỞ Y TẾ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 314/QĐ-SYT ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Văn phòng Sở Y tế
A	B	1
PHẦN I. TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NSNN GIÁ DỊCH VỤ Y TẾ VÀ PHÍ, LỆ PHÍ		
PHẦN II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		-66,7
I	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	-66,7
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-128,0
2	Kinh phí Quỹ tiền thưởng	0,0
3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0,0
4	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của chính phủ (đợt 1)	61,3
II	SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XÃ HỘI	0,0
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0,0
PHẦN III. KINH PHÍ TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU		0,0
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	0,0
-	0	0,0

**CÔNG KHAI CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI SỞ
Y TẾ NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 314/QĐ-SYT ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Văn phòng Sở Y tế
A	B	1
PHẦN I. TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NSNN GIÁ DỊCH VỤ Y TẾ VÀ PHÍ, LỆ PHÍ		
PHẦN II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		-66,7
A	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	-66,7
I	Sở Y tế	-66,7
	Loại 340 Khoản 341	-66,7
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (13)	-128,0
2	Kinh phí quỹ tiền thưởng (18)	
3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	0,0
4	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của chính phủ (đợt 2) (23)	61,3
B	SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XÃ HỘI	0,0
I	Sở Y tế	0,0
PHẦN III. KINH PHÍ TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU		0,0
I	Sở Y tế	0,0
	Loại 130 Khoản 341	0,0
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	0,0
-		
	TỔNG CỘNG	-66,7